TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2024/DS-ST
Ngày: 05-6-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tấn Để.

2. Bà Phạm Thanh Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 6 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 219/2023/TLST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*, theo Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2024/QĐST-DS ngày 16/5/2024, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần B; địa chỉ: Tòa nhà L, số B đường T, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội. Địa chỉ chi nhánh :, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Ngô Tuấn K - Giám đốc Phòng G.

2- Bị đơn: Anh Lê Văn H, sinh năm 1980 và chị Lê Thị Mỹ C, sinh năm 1983; địa chỉ: ấp V, xã Đ, huyện A, Kiên Giang.

(Đại diện nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt phiên tòa lần 02 không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện nguyên đơn trình bày:* Ngày 13/12/2022 anh Lê Văn H và chị Lê Thị Mỹ C có ký hợp đồng hạn mức tín dụng số HDTD 84A202200226 vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần B (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng), số tiền 280.000.000 đồng; mục đích vay bổ sung vốn sản xuất nông nghiệp; thời hạn khế ước nhận nợ là 05 tháng (từ ngày 17/5/2023 đến ngày 16/10/2023); lãi suất cho vay 11,8%/năm; lãi suất quá hạn gốc bằng 150% lãi suất trong hạn; thời hạn trả nợ gốc cuối kỳ. Tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 00051/2019/HĐTC/PGDAnMinh ngày 24/10/2019 là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số BT109498, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng số CH00680, thửa đất số 103, tờ bản đồ số 02, diện tích 14.580 m^2, tọa lạc tại xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Trong quá trình thực hiện hợp đồng anh H và chị Chân k thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng như đã ký kết. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc nhưng anh H, chị Chân k thực hiện. Theo đơn khởi kiện, Ngân hàng yêu cầu anh H, chị C trả số tiền vay và tiền lãi tạm tính đến ngày 06/11/2023 là 287.583.664 đồng; trong đó: nợ gốc là 280.000.000 đồng, nợ lãi 7.583.664 đồng và đề nghị tiếp tục tính lãi quá hạn theo hợp đồng đã ký. Trường hợp không thanh toán nợ thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng yêu cầu anh H, chị C trả số tiền còn nợ tính đến ngày 05/6/2024 là 316.540.308 đồng; trong đó: nợ gốc 279.999.944 đồng, nợ lãi là 36.540.364 đồng.

- *Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.*

- *Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng. Bị đơn vắng mặt phiên tòa lần thứ hai không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định. Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền tính đến ngày 05/6/2024 là 316.540.308 đồng và nguyên đơn có quyền tiếp tục tính lãi theo hợp đồng đã ký. Nếu bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh H và chị C ký hợp đồng vay tiền tại Ngân hàng Thương mại cổ phần B, nhưng không thanh toán nợ theo hợp đồng đã ký nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu thanh toán nợ, do đó xác định quan hệ pháp luật vụ án là *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không lý do nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: Ngày 13/12/2022 anh Lê Văn H và chị Lê Thị Mỹ C có ký hợp đồng vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền 280.000.000 đồng. Hợp đồng có thỏa thuận về mục đích vay, thời hạn trả, phương thức trả, lãi suất. Đồng thời bị đơn có thế chấp tài sản để đảm bảo khoản vay là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số BT109498, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng số CH00680, thửa đất số 103, tờ bản đồ số 02, diện tích 14.580 m^2, tọa lạc tại xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, anh H và chị C vi phạm hợp đồng, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do đó, Ngân hàng yêu cầu thanh toán toàn bộ số nợ còn lại. Ngân hàng khởi kiện có cung cấp tài liệu, chứng cứ là hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất; giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ, bản photo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngân hàng khởi kiện có tài liệu, chứng cứ chứng minh, bị đơn không có ý kiến phản bác nên Hội đồng xét xử xác định đây là tình tiết, sự kiện có thật và chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng. Buộc anh H, chị C trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 05/6/2024 là 316.540.308 đồng; trong đó: nợ gốc là 279.999.944 đồng, nợ lãi là 36.540.364 đồng và Ngân hàng có quyền tiếp tục tính lãi theo hợp đồng đã ký. Trường hợp bị đơn không trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

[3] Án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên anh H, chị C phải chịu án phí đối với nghĩa vụ thanh toán nợ là 316.540.308 đồng x 5% = 15.827.000 đồng.

Ngân hàng không chịu án phí nên được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 92, 147, 207, 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 6, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần B đối với anh Lê Văn H và chị Lê Thị Mỹ C. Buộc anh Lê Văn H và chị Lê Thị Mỹ C cùng liên đới trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 05/6/2024 là 316.540.308 đồng (Ba trăm mười sáu triệu năm trăm bốn mươi nghìn ba trăm lẻ tám đồng); trong đó: nợ gốc 279.999.944 đồng (Hai trăm bảy mươi chín triệu chín trăm chín mươi chín nghìn chín trăm bốn mươi bốn đồng), nợ lãi là 36.540.364 đồng (Ba mươi sáu triệu năm trăm bốn mươi nghìn ba trăm sáu mươi bốn đồng).

Ngân hàng có quyền tiếp tục tính lãi theo mức lãi suất thỏa thuận của hợp đồng đã ký theo quy định của pháp luật đối với số nợ chưa thanh toán kể từ ngày 06/6/2024 cho đến khi thi hành án xong số nợ.

Trường hợp anh H, chị Chân k thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu kê biên, phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số BT109498, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng số CH00680, thửa đất số 103, tờ bản đồ số 02, diện tích 14.580 m^2, tọa lạc tại xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang, do anh Lê Văn H đứng tên quyền sử dụng.

2- Án phí sơ thẩm: Buộc anh Lê Văn H và chị Lê Thị Mỹ C liên đới chịu án phí là 15.827.000 đồng (Mười lăm triệu tám trăm hai mươi bảy nghìn đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.189.000 đồng (Bảy triệu một trăm tám mươi chín nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005051 ngày 12/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

3- Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Trường Hận